

# THÔNG TIN TỔNG HỢP

Tháng 9 năm 2024

-----

## MỤC LỤC

### I. TÌNH HÌNH TRONG TỈNH

- Triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 3 tháng cuối năm 2024.
- Cải thiện, nâng cao chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) đến năm 2025.
- Ninh Thuận triển khai Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu.

### II. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

- Một số kết quả nổi bật trong triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến.
- Trí tuệ nhân tạo và những nguy cơ, thách thức đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay.
- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu: Thành công và hạn chế.

### III. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

- Người di cư ra nước ngoài tiếp tục gia tăng thời gian gần đây.
- Chính sách ngoại giao của Nga tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

## NỘI DUNG

### I. TÌNH HÌNH TRONG TỈNH

#### 1. TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 3 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2024 duy trì ổn định, một số lĩnh vực chuyển biến khá. Tổng giá trị sản xuất 9 tháng ước đạt 42.087 tỷ đồng, tăng 8%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 3.540 tỷ đồng, tăng 29,2%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 2,6%; giải quyết việc làm đạt 92,6% KH, tăng 4,9%, đào tạo nghề đạt 97,7% KH năm và tăng 17,6% so cùng kỳ. Cụ thể trên một số lĩnh vực: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giá trị sản xuất đạt 11.526 tỷ đồng, tăng 4,13%; giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng tăng 10,4%; khâu đột phá về năng lượng tái tạo tiếp tục phát huy hiệu quả. Các ngành dịch vụ, giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 11.179 tỷ đồng, tăng 8,23%; thương mại, dịch vụ tiếp tục phục hồi và tăng khá, đã thu hút trên 3,2 triệu lượt khách, đạt 100,1% KH và tăng 20%, doanh thu từ hoạt động du lịch tăng cao, tăng 68,8% so cùng kỳ. Tính đến ngày 20/9, toàn tỉnh giải ngân đạt 54,6%, cao hơn mức bình quân cả nước (47,8%), ước đến cuối tháng 9 giải ngân đạt 63% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển KT-XH năm 2024, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố cần tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, nhất là chỉ đạo quyết liệt 3 khâu đột phá và 6 ngành lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng. Theo dõi và dự báo sát

tình hình chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với thiên tai, bão lũ trong những tháng cuối năm; chủ động phòng ngừa dịch bệnh cho đàn gia súc, khuyến khích phát triển khai thác hải sản, nuôi biển theo hướng hiện đại. Triển khai các quy định về khung giá, cơ chế đấu thầu các dự án năng lượng tái tạo; kêu gọi thu hút đầu tư dự án, đẩy nhanh tiến độ đưa các dự án năng lượng hoàn thành, nối lưới sớm tạo giá trị gia tăng mới; đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án thành lập Trung tâm Công nghiệp và Dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng tại Ninh Thuận; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mời gọi đầu tư thứ cấp vào các các khu, cụm công nghiệp; kích cầu tiêu dùng, kết nối thông tin và hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm địa phương có thế mạnh. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các đề án quy hoạch xây dựng; đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số khu đô thị mới, khu dân cư, các dự án du lịch trọng điểm, quan tâm đầu tư hạ tầng du lịch; kết nối, quảng bá sản phẩm mới nhằm thu hút khách du lịch, thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển. Có giải pháp quản lý trật tự xây dựng, tháo gỡ khó khăn các dự án nhằm khơi thông nguồn lực, sử dụng đất, tài nguyên khoáng sản hiệu quả. Thực hiện hiệu quả các giải pháp thu ngân sách đảm bảo thu đúng, thu đủ, chống thất thu. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư thực hiện quyết liệt các giải pháp để tăng tốc, bứt phá trong giải ngân vốn đầu tư công và 3 chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục rà soát sắp xếp mạng lưới trường học và công nhận mới trường đạt chuẩn quốc gia; triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp. Chủ động giám sát, tăng cường công tác y tế dự phòng và phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm; quan tâm thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, người có công. Tập trung triển khai chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo đến cuối năm 2025 theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện hiệu quả Đề án chuyển đổi số của tỉnh và Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tránh tình trạng đùn đẩy, né tránh công việc. Đẩy mạnh việc khắc phục các kết luận thanh tra, kiểm tra tại các ngành, đơn vị địa phương. Giải quyết dứt điểm các nội dung vụ việc khiếu kiện. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới; làm tốt công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội.

## **2. CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ XANH CẤP TỈNH (PGI) ĐẾN NĂM 2025**

Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 của tỉnh Ninh Thuận xếp vị trí thứ 33 với tổng số 21,88 điểm.

Trong 4 chỉ số thành phần, có 2 chỉ số đạt số điểm tương đối cao là: Chỉ số giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đạt 7,08 điểm (đứng thứ hạng 26/63 tỉnh thành); chỉ số đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu đạt 6,07 điểm (đứng thứ hạng 23/63 tỉnh thành); 2 chỉ số có còn lại đạt số điểm thấp là: Chỉ số vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh đạt 3,78 điểm (đứng thứ hạng 48/63 tỉnh thành) và chỉ số chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi

trường đạt 4,95 điểm (đứng thứ hạng 42/63 tỉnh thành). Đây là một hợp phần về môi trường được tích hợp trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) lần đầu tiên vào năm 2022. Chỉ số PGI được công bố thường niên và sẽ trải qua một lộ trình thử nghiệm, hoàn thiện và phát triển, với mong muốn đây sẽ là một công cụ chính sách hữu ích, có thể bổ trợ chỉ số PCI để thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện môi trường, đảm bảo phát triển bền vững tại Việt Nam trong thời gian tới.

Để tiếp tục duy trì và nâng cao chỉ số PGI, tạo chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Ninh Thuận, ngày 20/4/2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4344/KH-UBND về cải thiện và nâng cao chỉ số PGI trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

Theo đó, kế hoạch hướng đến mục tiêu cải thiện, nâng cao chỉ số PGI của tỉnh một cách bền vững; phấn đấu năm 2024 và các năm tiếp theo các chỉ số, chỉ tiêu thành phần của chỉ số PGI được cải thiện so với kết quả đã đạt được năm 2023. Bên cạnh đó, tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của chỉ số PGI; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh trong việc duy trì và cải thiện kết quả, thứ bậc xếp hạng chỉ số PGI của tỉnh, góp phần thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện môi trường, đảm bảo phát triển bền vững tại tỉnh Ninh Thuận trong thời gian tới.

Mục tiêu cụ thể, phấn đấu tăng điểm số PGI của Ninh Thuận năm 2024 đạt từ 22,24 điểm trở lên (tăng 0,36 điểm so với năm 2023). Trong đó, quan tâm cải thiện 2 chỉ số thành phần, cụ thể: Chỉ số vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh tăng từ 3,78 điểm lên 4,02 điểm và chỉ số chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường tăng từ 4,95 điểm lên 5,07 điểm. Đến năm 2025, phấn đấu tăng điểm số PGI của Ninh Thuận năm 2024 đạt từ 22,55 điểm trở lên (tăng 0,67 điểm so với năm 2023; tăng 0,31 điểm so với dự kiến năm 2024) và đưa PGI Ninh Thuận vào nhóm 30 tỉnh, thành phố có hỉ số tăng trưởng xanh cao nhất cả nước.

Để đạt được các mục tiêu trên, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thực hiện kế hoạch phải được triển khai đồng bộ, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá định kỳ để có giải pháp phù hợp, kịp thời, đảm bảo mục tiêu cải thiện hiệu quả, bền vững, cân bằng giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bền vững môi trường. Xác định trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành và địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tập trung cải thiện điểm số các chỉ số thành phần có điểm số, thứ hạng thấp, giữ vững và nâng cao hơn nữa các chỉ số thành phần có điểm số cao của năm 2023...

### **3. NINH THUẬN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Trong bối cảnh toàn cầu đang chứng kiến những tác động ngày càng khốc liệt của biến đổi khí hậu (BĐKH), thách thức lớn nhất mà nhân loại đang phải đối mặt không chỉ nằm ở sự biến đổi của môi trường tự nhiên mà còn lan rộng

đến các khía cạnh kinh tế, chính trị, ngoại giao và an ninh toàn cầu. BĐKH đã trở thành một xu thế không thể đảo ngược, làm thay đổi mọi mặt của đời sống và tác động sâu sắc đến tương lai của nhiều quốc gia, trong đó Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Với vị trí địa lý đặc thù, Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, dễ bị tổn thương trước các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ, hạn hán và nước biển dâng. BĐKH không chỉ gây ra thiệt hại về kinh tế mà còn đe dọa trực tiếp đến các mục tiêu phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo và các mục tiêu thiên niên kỷ của đất nước. Tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn và hạn hán kéo dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, nguồn nước sinh hoạt và cuộc sống của hàng triệu người dân tại các vùng ven biển và khu vực đồng bằng.

Trong đó, tỉnh Ninh Thuận là một ví dụ điển hình của những địa phương chịu tác động rõ rệt từ BĐKH. Đặc thù về vị trí địa lý, nằm trong khu vực khô hạn nhất cả nước, cùng với địa hình đặc biệt đã khiến Ninh Thuận thường xuyên hứng chịu các đợt hạn hán và thiếu nước kéo dài. Qua các số liệu quan trắc thực tế, trong 30 năm qua, tốc độ BĐKH tại Ninh Thuận diễn ra nhanh chóng và phức tạp tạo ra nhiều thách thức trong công tác quản lý và ứng phó với thiên tai.

Trước tình hình đó, UBND tỉnh Ninh Thuận đã xây dựng và ban hành “Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050” với mục tiêu tăng cường năng lực ứng phó, giảm thiểu thiệt hại và thúc đẩy phát triển bền vững. Chương trình này đặt ra những nhiệm vụ cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao khả năng chống chịu trước các tác động tiêu cực của BĐKH. Đây không chỉ là trách nhiệm của các cấp chính quyền mà còn đòi hỏi sự tham gia tích cực từ cộng đồng, các doanh nghiệp và người dân.

Quan điểm của Chương trình là thích ứng với BĐKH và phòng chống thiên tai phải được xem là một trong những yếu tố quan trọng trong các quyết định phát triển của tỉnh. Các biện pháp thích ứng phải được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và gắn liền với việc phát triển bền vững. Đặc biệt, cần tận dụng các cơ hội do BĐKH mang lại để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chương trình cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc lồng ghép các nội dung liên quan đến BĐKH vào hệ thống chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc này đảm bảo rằng các kế hoạch ứng phó với BĐKH không chỉ mang lại lợi ích về mặt kinh tế mà còn đóng góp tích cực vào việc bảo vệ môi trường và duy trì nguồn tài nguyên thiên nhiên. Sự đồng thuận và phối hợp giữa các bên liên quan là chìa khóa để thực hiện hiệu quả các biện pháp thích ứng, từ đó xây dựng một cộng đồng vững mạnh có khả năng đối phó với các rủi ro thiên tai ngày càng phức tạp.

Ninh Thuận cũng đã đặt ra các mục tiêu cụ thể trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH. Đến năm 2030, chương trình hướng tới 100% cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân sẽ được trang bị kiến thức

cơ bản về BĐKH và cách phòng tránh thiên tai. Các trường học, cơ sở đào tạo cũng sẽ phổ biến kiến thức về BĐKH để giáo dục thế hệ trẻ có ý thức bảo vệ môi trường và chuẩn bị sẵn sàng cho các thách thức trong tương lai.

Để đảm bảo hiệu quả ứng phó, UBND tỉnh Ninh Thuận đã xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, thu hút đầu tư vào các dự án liên quan đến BĐKH. Bên cạnh đó, tỉnh cũng tập trung vào việc phát triển hệ thống quan trắc, giám sát khí tượng thủy văn hiện đại nhằm nâng cao khả năng dự báo và ứng phó kịp thời với các hiện tượng thời tiết cực đoan. Hệ thống quan trắc này sẽ được kết nối trực tiếp với các cơ quan quản lý giúp giám sát chặt chẽ và giảm thiểu tối đa các rủi ro.

Một trong những nội dung quan trọng của chương trình là việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học và giảm phát thải khí nhà kính. Ninh Thuận đã hoàn thành công tác khoanh định vùng cấm khai thác nước ngầm, đồng thời yêu cầu 100% các công trình khai thác, xả nước thải phải có hệ thống quan trắc, giám sát tự động.

Phát triển hệ thống quan trắc và giám sát khí tượng thủy văn là một trong những ưu tiên hàng đầu nhằm đảm bảo sự chính xác và kịp thời trong việc dự báo và ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan. Từng bước hiện đại hóa mạng lưới quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến, đảm bảo 100% hệ thống chuyên dùng do tỉnh đầu tư được lắp đặt thiết bị cảnh báo và giám sát khí tượng thủy văn.

Đối với việc giảm phát thải khí nhà kính, các cơ sở phát thải từ 2.000 tấn CO<sub>2</sub> tương đương trở lên phải xây dựng kế hoạch và thực hiện giảm thiểu khí thải hằng năm. Tất cả các cơ sở thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cần tuân thủ nghiêm ngặt quy định kiểm kê và giảm phát thải theo kế hoạch đề ra.

Song song với đó, tỉnh cũng chú trọng vào việc nâng cao hiệu quả của các công trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH. Phân đầu hoàn thành 100% các dự án ưu tiên và đặt mục tiêu xây dựng ít nhất một trường học hoặc một xã/phường đạt tiêu chuẩn an toàn trong phòng chống thiên tai.

Về an sinh xã hội và bình đẳng giới, tỉnh đang nỗ lực triển khai ít nhất một mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng. Mô hình này sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và đảm bảo phát triển bền vững tại địa phương.

Nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ cũng là một phần quan trọng trong chiến lược thích ứng với BĐKH và giảm thiểu rủi ro thiên tai. Mỗi năm, tỉnh sẽ triển khai từ 1 đến 2 đề tài nghiên cứu khoa học về thích ứng và phòng chống thiên tai, đồng thời đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ tiên tiến cho các địa phương.

Cuối cùng, chỉ tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cùng chỉ tiêu giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính sẽ được tích hợp vào nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh, nhằm đảm bảo rằng các mục tiêu phát triển bền vững được gắn kết chặt chẽ với việc bảo vệ môi trường.

Trong giai đoạn 2021 - 2030, Ninh Thuận đã đề xuất thực hiện 103 nhiệm vụ, dự án thuộc 9 nhóm lĩnh vực với tổng kinh phí dự kiến lên tới hơn 29.555 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 trên 12.469 tỷ đồng, giai đoạn 2026 - 2030 trên 17.085 tỷ đồng. Những dự án này sẽ tập trung vào việc nâng cao năng lực chống chịu của cơ sở hạ tầng, cải thiện quản lý tài nguyên nước, phát triển nông nghiệp bền vững và tăng cường giáo dục về BĐKH. Sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các dự án được thực hiện hiệu quả, góp phần xây dựng một Ninh Thuận vững mạnh, thích ứng tốt hơn với BĐKH.

## **II. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC**

### **1. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

Thời gian qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công trực tuyến được triển khai quyết liệt, đồng bộ với quyết tâm cao từ Trung ương đến cơ sở. 63/63 địa phương đã ban hành chính sách miễn, giảm phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Nhận thức và hành động về nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến có nhiều chuyển biến tích cực. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính tăng từ 90% năm 2022 lên 93% đến tháng 8/2024. Theo đánh giá của Liên hợp quốc năm 2022, dịch vụ công trực tuyến của Việt Nam xếp hạng 76/193, tăng 5 bậc so với năm 2020; dữ liệu mở xếp hạng 87/193, tăng 10 bậc so với năm 2020.

Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa được triển khai tích cực. Thủ tục hành chính, quy định kinh doanh tiếp tục được cắt giảm, đơn giản hóa; số lượng và chất lượng dịch vụ công trực tuyến được nâng lên. Từ năm 2021 đến nay, đã cắt giảm, đơn giản hóa gần 3.000 quy định kinh doanh; phân cấp cho địa phương gần 700 thủ tục hành chính. Từ năm 2021 đến nay, đã cung cấp thêm gần 1.800 dịch vụ công trực tuyến, đạt 4.400 dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, chiếm 70% tổng số thủ tục hành chính.

Hạ tầng số, nền tảng số, thiết bị, công nghệ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp được quan tâm đầu tư. 100% cơ quan nhà nước đã được triển khai mạng Truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã để trao đổi, chia sẻ dữ liệu. 100% bộ, ngành, địa phương đã xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Tích cực triển khai Cơ chế một cửa ASEAN, một cửa quốc gia, tạo thuận lợi thương mại sẵn sàng thực hiện hải quan số. Việt Nam đang triển khai kết nối và trao đổi tờ khai hải quan ASEAN với 8 nước thành viên ASEAN; tạo tiền đề để tiếp tục kết nối với Hàn Quốc, Liên bang Nga, New Zealand. Cơ chế một cửa quốc gia đã cung cấp 250 thủ tục hành chính của 13 bộ, ngành kết nối với sự tham gia của trên 70.000 doanh nghiệp; hàng triệu bộ hồ sơ hành chính được xử lý trên môi trường điện tử, rút ngắn thời gian và giảm chi phí thông quan.

Bên cạnh đó, việc triển khai dịch vụ công trực tuyến còn một số tồn tại, hạn chế: Cải cách thủ tục hành chính vẫn còn chậm, thủ tục còn rườm rà. Chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa chuyển biến rõ nét; kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến không đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị. Nhiều dịch vụ công trực tuyến chưa được người dân, doanh nghiệp sử dụng nhiều hoặc chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp toàn trình. Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia còn nhiều bất cập. Nhân lực số, hạ tầng số chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa có đột phá. Tình hình hoạt động tấn công mạng, đặc biệt là mã độc tổng tiền tăng mạnh. Công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận trong xã hội nhằm thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến nhiều lúc, nhiều nơi chưa được coi trọng...

Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc chuyên đề nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến ngày 31/8/2024, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, trong đó rà soát, phát hiện, kịp thời sửa đổi, bổ sung những bất cập, mâu thuẫn trong hệ thống các quy định và văn bản quy phạm pháp luật và khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn để tạo hành lang pháp lý trong triển khai, thực hiện nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy, khơi thông mọi nguồn lực, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

Cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các quy định kinh doanh, thủ tục hành chính; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ (cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 50% thủ tục hành chính và cắt giảm ít nhất 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nội bộ) và chuyển đổi mạnh mẽ sang xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử.

Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; rà soát, đánh giá lại, đổi mới cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về mức độ, thuận lợi, đơn giản, thân thiện với người dùng. Thực hiện thành công các nhiệm vụ đến năm 2025, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến. Hoàn thành cung cấp toàn bộ 53/53 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06.

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng, hoàn thành, đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo hướng người dân chỉ cung cấp thông tin một lần cho các cơ quan nhà nước.

Tiến hành tổng rà soát, đánh giá tình hình bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số với phát triển đất nước nhanh,

toàn diện, bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm hạnh phúc, ấm no cho Nhân dân.

## **2. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ NHỮNG NGUY CƠ, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG HIỆN NAY**

Sự ra đời của phần mềm Chat GPT đã tạo nên cơn sốt trên toàn cầu và cả ở Việt Nam. Điều này khẳng định xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là không thể đảo ngược, đang có tác động cả tích cực và tiêu cực đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - chính trị thế giới. Đây cũng là thách thức lớn đối với Việt Nam trước nguy cơ các thế lực thù địch, phản động sử dụng thành tựu này để chống phá, kích động, xuyên tạc con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, ảnh hưởng lớn đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay.

### **Trí tuệ nhân tạo và những tác động không mong muốn đối với đời sống xã hội**

Sự bùng nổ của Chat GPT làm nhiều người bắt đầu chú ý tới trí tuệ nhân tạo (AI), mặc dù các công cụ dò tìm đường, công cụ dịch thuật, công cụ chỉnh sửa ảnh tự động... đã được ứng dụng AI từ rất lâu. Tuy nhiên, người ta mới chỉ nhìn thấy phần nổi của tảng băng chìm và chưa nhận thức rõ những thách thức của AI đối với đời sống xã hội. Thực tế, AI hoàn toàn có thể ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh... của quốc gia, thậm chí là toàn nhân loại.

Mỹ là quốc gia có nền công nghệ phát triển hàng đầu thế giới, nơi sở hữu nhiều công ty công nghệ hùng mạnh về AI đã bắt đầu quan tâm đến tác động từ sự phát triển của AI. Tháng 8/2023, Tổng thống Mỹ Joe Biden đã có buổi làm việc với bảy công ty công nghệ hàng đầu của Mỹ là Amazon, Anthropic, Google, Inflection, Meta, Microsoft và OpenAI tại Nhà Trắng. Cuộc gặp này diễn ra sau những lo ngại về việc các công ty đang chạy đua với nhau bằng các phiên bản AI có thể tự sáng tạo văn bản, ảnh, nhạc và video mà không cần một hình mẫu con người cụ thể. Sự bùng nổ của các phiên bản AI này dẫn đến nguy cơ lan truyền những thông tin sai lệch và những cảnh báo nghiêm trọng về các rủi ro khi AI trở nên tinh vi và giống con người hơn. Tháng 10/2023, Chính phủ Mỹ đã ban hành sắc lệnh nhằm giảm thiểu rủi ro mà công nghệ AI có thể gây ra, thiết lập các tiêu chuẩn mới về an toàn và bảo mật, bảo vệ quyền riêng tư của người dùng, thúc đẩy đổi mới và cạnh tranh trong lĩnh vực AI. Không chỉ trong lĩnh vực an ninh con người, Mỹ đang lo ngại về các nguy cơ của AI trong lĩnh vực quốc phòng. Đơn cử như, nếu một quả tên lửa hay máy bay không người lái (UAV hoặc Drone) được điều khiển bởi AI tham gia các hoạt động chiến tranh, quân sự hoặc có thể là khủng bố thì khó có thể lường hết hậu quả. Theo Diễn đàn Quốc phòng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tháng 11/2023, Bộ Ngoại giao Mỹ đã công bố Tuyên bố chính trị về việc sử dụng có trách nhiệm trí tuệ nhân tạo và công nghệ tự hành trong quân sự nhằm thiết lập các quy tắc sử dụng. Từ tháng 01/2024 đến nay, đã có 51 quốc gia tán thành tuyên bố trên, đồng thuận cùng tham gia xây dựng các quy tắc, hướng dẫn để bảo đảm việc sử dụng



AI và các hệ thống vũ khí tự hành, cũng như các ứng dụng quân sự sử dụng AI khác.

Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ trực tiếp đến từ sự bùng nổ của AI, đặc biệt là làn sóng tội phạm sử dụng công nghệ AI. Phổ biến nhất có thể kể đến Deepfake đang được các đối tượng lừa đảo sử dụng khá phổ biến. Các sản phẩm âm thanh, hình ảnh, video, clip... giả mạo do Deepfake tạo ra thường nhằm giả mạo các cơ quan chức năng hoặc người thân của mục tiêu để thực hiện việc lừa đảo. Các thông tin về số căn cước công dân, số tài khoản ngân hàng, số điện thoại, địa chỉ, các mối quan hệ trên trang mạng xã hội... dễ bị lộ lọt là kẽ hở lớn để các đối tượng lừa đảo nhắm tới. Thông qua sức mạnh của AI đến từ khả năng thu thập, xử lý dữ liệu khổng lồ và phân tích các mẫu phức tạp, các đối tượng xấu có nhiều chiêu trò để thuyết phục nạn nhân tin vào nội dung lừa đảo, qua đó chiếm đoạt tài sản hoặc thực hiện các mục đích xấu khác. Theo thống kê của Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông, trong 11 tháng đầu năm 2023, đã có 15.900 phản ánh về trường hợp lừa đảo do người dùng internet Việt Nam gửi đến qua các hệ thống cảnh báo, trong đó hơn 91% cảnh báo này liên quan đến giả mạo, lừa đảo trong lĩnh vực ngân hàng - tài chính. Theo báo cáo của Liên minh chống lừa đảo toàn cầu (GASA) và dự án xã hội Chống lừa đảo (Việt Nam), năm 2023, trung bình mỗi người Việt tham gia khảo sát phải đối mặt với 0,8 vụ lừa đảo; trong đó, có 71% số người được gọi gặp phải lừa đảo trên hai nền tảng lớn là Facebook và Gmail, các nền tảng khác như Telegram (28%), Google (13%) và TikTok (13%).

### **Nguy cơ, thách thức từ trí tuệ nhân tạo đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay**

Rõ ràng không thể phủ nhận lợi ích mà AI mang đến cho cuộc sống và sự phát triển của các quốc gia, nhưng những nguy cơ, thách thức mà nó mang lại rất cần được nghiên cứu, dự báo và chủ động phòng ngừa. Trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay, AI mặc dù chưa ảnh hưởng sâu rộng và gây ra những thách thức trực diện, song cần nghiên cứu, dự báo và có những biện pháp chủ động ứng phó với sự phát triển của các công cụ này, với một số nguy cơ, thách thức chính sau:

*Một là*, nguy cơ thế hệ trẻ lệ thuộc vào AI. Giới trẻ hiện nay trưởng thành cùng sự phát triển của AI, họ tiếp nhận AI theo cách tự nhiên, không bị “sốc văn hóa” như các nhóm đối tượng khác, đặc biệt là nhóm trung niên và người cao tuổi. Do vậy, giới trẻ là đối tượng sử dụng chính của AI, đồng thời họ cũng đối mặt nhiều nhất với các nguy cơ đến từ AI, khi họ ngày càng lệ thuộc vào AI trong việc tiếp nhận thông tin, nhất là các thông tin về lịch sử, chính trị, nền tảng tư tưởng của Đảng.

Với sự phát triển của các công cụ như Chat GPT, Bing chat, AI TensorFlow, Amazon Machine Learning..., giới trẻ có thể tìm hiểu, giải đáp những khúc mắc; thực hiện các bài luận, bài nghiên cứu; hỗ trợ đưa ra các ý tưởng sáng tạo. Nếu những thông tin mà các công cụ trên tổng hợp được dựa trên những nền tảng, kho dữ liệu đáng tin cậy thì kết quả được cung cấp có giá trị tham khảo tốt, song kết quả sẽ bị sai lệch nếu AI dựa trên các nền tảng thiếu

tin cậy, thậm chí là những trang mạng phản động, chống phá. Đơn cử như, khi một sinh viên đặt câu hỏi về một vị lãnh tụ cho nền tảng Chat GPT, sẽ nhận được thông tin về thân thế, cuộc đời, sự nghiệp của vị lãnh tụ đó. Tuy nhiên, bên cạnh những thông tin chính thống, chính xác, vẫn còn có những thông tin gây nhiễu, hiểu sai, chưa đúng...

Các đối tượng xấu cố tình gài những câu hỏi không đầy đủ, không hợp lý để Chat GPT cho ra phần trả lời sai lệch, âm mưu tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, như: “Không thể tồn tại nền kinh tế thị trường mà lại định hướng xã hội chủ nghĩa phải không?”; “Khi nào chủ nghĩa xã hội về đích?”; “Lúc nào thì làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu?”... Đáng chú ý, nếu khi đặt câu hỏi mà Chat GPT đưa ra câu trả lời hợp lý thì các đối tượng sẽ tìm mọi cách thêm thắt chữ nghĩa, sửa câu hỏi, sửa cách hỏi để hòng tìm ra câu trả lời thiếu hoặc sai, lấy cớ để xuyên tạc. Như vậy, việc lệ thuộc vào AI sẽ rất nguy hại nếu thanh niên, sinh viên, thế hệ trẻ không kiểm chứng các thông tin mà mình tiếp nhận được, đặc biệt là những thông tin về những vấn đề cốt lõi thuộc nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) cũng đã cảnh báo về nguy cơ giới trẻ bị phụ thuộc thông tin và bị thao túng thông tin bởi AI. Trong một báo cáo khảo sát được dẫn chứng, chỉ 2% số trẻ em và thanh thiếu niên tại Anh có đủ khả năng để phân biệt giữa một bài báo thật và bài báo giả. Bà Henrietta Fore - Giám đốc Điều hành UNICEF - kêu gọi trong Báo cáo 30 năm Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (năm 2019): “Chúng ta cần nỗ lực hơn nữa để chuẩn bị cho các công dân trẻ tuổi am hiểu về công nghệ này khả năng chống lại sự thao túng và gìn giữ niềm tin đối với các nguồn kiến thức đáng tin cậy và có thể xác minh”. Rõ ràng, đây là nguy cơ đáng lo ngại đối với giới trẻ Việt Nam và cần có những giải pháp hữu hiệu để ứng phó với sự lệ thuộc này ở hiện nay và trong tương lai.

*Hai là*, tác động của AI đối với tư tưởng và hành vi của người dân trong xã hội. Các thuật toán được các nền tảng mạng xã hội, các công ty công nghệ lớn sử dụng thường hướng đến cá nhân hóa nội dung. AI được sử dụng để tạo nên các “buồng vọng âm - echo chamber”. Đây là hình ảnh ẩn dụ ám chỉ một môi trường mà ở đó, người dùng chỉ được tiếp xúc với những thông tin, quan điểm đồng thuận với ý kiến của họ. Những quan điểm khác, sai biệt sẽ bị AI thanh lọc để tránh ảnh hưởng đến người dùng, do đó, các công ty công nghệ lớn sử dụng thuật toán này để tránh người dùng tiếp xúc với những thông tin mà họ không ưa thích, dẫn đến từ bỏ sử dụng dịch vụ. Tuy nhiên, đây lại là thách thức lớn đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Khi các thế lực thù địch, phản động thực hiện hoạt động chống phá, họ sử dụng đa nền tảng mạng xã hội với nhiều thông tin sai trái về nhiều lĩnh vực. Người dùng chỉ cần chú ý đến một tin giả, dành thời gian đọc nhiều hơn so với các loại thông tin khác, ngay lập tức AI sẽ nhận định loại thông tin đó cần được ưu tiên và sẽ đề xuất nhiều nội dung tương tự. “Buồng vọng âm” khiến các định kiến và quan điểm sai lệch được củng cố mạnh mẽ hơn. Người dùng sẽ trở nên tự tin hơn về tính đúng đắn của các quan điểm đó, mặc dù thông tin này có thể không chính xác, đi ngược lại đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Đồng thời, các thuật toán AI không chỉ phản ánh lựa chọn ưa thích của người dùng, mà còn có thể bị thao túng bởi các cá nhân hoặc tổ chức có ý đồ xấu. Họ có thể lợi dụng các thuật toán của các trang mạng xã hội đang sử dụng AI để lan truyền thông tin sai lệch, khuếch đại các quan điểm cực đoan và kích động xung đột xã hội.

*Ba là*, nguy cơ về phát tán, lan truyền thông tin sai lệch, thông tin không chính thống, chưa được xác thực. Gần đây, không ít người dùng các nền tảng mạng xã hội và các trang báo điện tử đã đăng tải nội dung thông tin sai lệch với việc ứng dụng được tạo ra từ AI. Thực tế này cho thấy, AI mà trực tiếp là công cụ Deepfake với những phiên bản ngày càng cao cấp sẽ đẩy lên nguy cơ lớn đối với trật tự, an toàn xã hội, an ninh không gian mạng nếu mục tiêu bị giả mạo là các chính trị gia, những người có uy tín trong xã hội. Với sự bùng nổ công nghệ, AI hoàn toàn dễ dàng bị các thế lực thù địch, phản động lợi dụng để tạo ra những sản phẩm văn hóa, sản phẩm tinh thần sai trái, phản động, từ đó tạo hiệu ứng xấu, độc trong dư luận xã hội. Các công nghệ như Deepfake và các hệ thống tạo nội dung tự động có thể tạo ra các video, hình ảnh và bài viết giả mạo, làm ảnh hưởng đến nhận thức của người dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nguy cơ này đặt ra thách thức không nhỏ cho lực lượng chức năng trong quản lý, phòng ngừa, ngăn chặn.

*Bốn là*, nguy cơ mất kiểm soát từ chính phủ đối với AI. Nguy cơ mất kiểm soát đối với AI đã được nhiều quốc gia đề cập đến. Tháng 10/2023, tại Hội nghị cấp cao đầu tiên về an toàn AI được tổ chức tại Bletchley Park, Thủ tướng Anh Rishi Sunak đã bày tỏ lo ngại “nhân loại có thể mất hoàn toàn quyền kiểm soát AI” nếu công nghệ này không được giám sát thích hợp, ngay cả khi nó tạo ra những cơ hội mới. Những lo ngại này hoàn toàn có cơ sở bởi: Trước hết, AI có khả năng tự học và cải tiến, khiến việc kiểm soát ngày càng trở nên khó khăn hơn. Các hệ thống AI có thể phát triển khả năng mới mà con người không dự đoán trước được, dẫn đến tình trạng vượt quá tầm kiểm soát. Thứ hai, AI có thể bị lạm dụng bởi các tổ chức và cá nhân có ý đồ xấu, từ việc tấn công mạng, lan truyền thông tin sai lệch đến việc sử dụng trong các hoạt động quân sự và gián điệp. Khi AI trở nên mạnh mẽ hơn, việc ngăn chặn các hành động này trở nên phức tạp và yêu cầu sự hợp tác quốc tế chặt chẽ, điều này không phải lúc nào cũng dễ dàng thực hiện được. Thứ ba, sự phát triển nhanh chóng của AI đang vượt qua khả năng lập pháp của nhiều chính phủ. Luật pháp và quy định thường chậm và không theo kịp tốc độ tiến bộ công nghệ. Điều này tạo ra lỗ hổng pháp lý mà các công ty và cá nhân có thể lợi dụng để phát triển và triển khai công nghệ AI mà không bị kiểm soát chặt chẽ.

Đối với Việt Nam, nguy cơ trên thực sự hiện hữu khi chúng ta chưa có văn bản quy phạm pháp luật cụ thể nào về AI. Thêm vào đó, việc kiểm soát các công ty công nghệ, đặc biệt là các công ty nước ngoài là rất khó khăn. Việc sửa đổi luật khó theo kịp sự phát triển của công nghệ. Nguy cơ này càng cao hơn khi mà các công ty công nghệ lớn có nguồn lực và sự linh hoạt để phát triển AI mạnh mẽ hơn Nhà nước, điều này không chỉ đúng với một nước đang phát triển như Việt Nam mà ngay cả những nước phát triển cũng phải đối mặt. Theo đó, có thể dẫn đến tình trạng chính phủ phải phụ thuộc vào các công ty công nghệ để

triển khai và quản lý AI, làm giảm khả năng tự chủ và kiểm soát. Từ đó có thể đặt ra mối lo ngại về sự suy yếu quyền lực nhà nước trong việc điều tiết và kiểm soát AI.

*Năm là*, nguy cơ về tư cách pháp nhân của AI. Đây là vấn đề được tranh luận từ rất lâu. AI có tư cách pháp nhân hay không? Nhiều quan điểm cho rằng cần trao tư cách pháp nhân, quyền công dân, quyền tự do... cho AI. Năm 2017, Chính phủ Arab Saudi đã trao quyền công dân cho robot Sophia do David Hanson Jr (một nhà chế tạo robot người Mỹ, đồng thời là người sáng lập và Giám đốc điều hành (CEO) của Hanson Robotics) tạo ra. Sự kiện này tạo tiền lệ và lý do cho hàng loạt quan điểm, ý kiến về cấp quyền công dân cho robot có trí tuệ nhân tạo.

Tuy nhiên, trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cần nhận thức rõ rằng, AI hay bất cứ sản phẩm công nghệ nào khác đều do con người lập trình, là sản phẩm có nguồn gốc từ quá trình lao động của con người, do đó phục vụ cho mục đích nào đó của chủ thể tạo ra. Cần ý thức rằng, mỗi sản phẩm AI đều mang ý kiến chủ quan và sự sắp đặt của chủ thể tạo ra nó và chủ thể đó phải chịu trách nhiệm pháp lý do những hành vi vi phạm pháp luật mà AI thực hiện.

### **Một số khuyến nghị góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước những nguy cơ, thách thức từ trí tuệ nhân tạo**

Từ những nguy cơ đến từ sự bùng nổ của AI đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần lưu ý một số nội dung sau:

*Một là*, tăng cường hợp tác quốc tế về AI. Việt Nam cần chủ động và tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế về AI, đồng thời phát huy vai trò và vị thế quốc gia trong việc thúc đẩy sử dụng AI một cách có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Điều này không chỉ giúp Việt Nam nắm bắt các xu hướng công nghệ mới nhất và học hỏi kinh nghiệm, mà còn đóng góp vào việc xây dựng các quy chuẩn quốc tế về AI. Bằng cách tham gia sâu rộng và tích cực, Việt Nam có thể chia sẻ những kinh nghiệm, đồng thời học hỏi từ các quốc gia tiên tiến khác. Điều này tạo cơ hội để Việt Nam khẳng định vị thế trong cộng đồng quốc tế, thúc đẩy hợp tác và đối thoại nhằm bảo đảm rằng AI được phát triển và sử dụng một cách an toàn, minh bạch và hiệu quả. Hướng tới các quy chuẩn quốc tế về AI cũng giúp Việt Nam bảo đảm công nghệ này mang lại lợi ích toàn diện cho xã hội, thúc đẩy sự phát triển bền vững và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn. Việc này không chỉ là một nhiệm vụ chiến lược, mà còn là cơ hội để Việt Nam tạo dấu ấn trong lĩnh vực công nghệ toàn cầu.

*Hai là*, bảo đảm sự phát triển và ứng dụng AI một cách có trách nhiệm, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, theo đó cần xây dựng các thiết chế mạnh mẽ và tăng cường quản lý nhà nước đối với các công ty công nghệ, đặc biệt là các công ty nước ngoài. Cần ban hành luật về AI và kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành, quy định rõ ràng về trách nhiệm, chế tài và nghĩa vụ của các công ty công nghệ. Các chính sách và pháp luật này nhằm kiểm soát chặt chẽ việc phát triển và ứng dụng AI, bảo đảm rằng các thuật toán được sử dụng để khuyến khích thông tin tích cực, đúng đắn và phù hợp với chủ

trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các công ty công nghệ cần rà soát quy trình của mình để tránh tạo ra kẽ hở để các thế lực thù địch, phản động có thể lợi dụng hồng phát tán thông tin sai lệch. Việc này không chỉ giúp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, mà còn góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

*Ba là*, cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức về AI. Việc phổ biến kiến thức về AI sẽ giúp người dùng hiểu rõ hơn về công nghệ này, từ đó họ có thể tránh các “buồng vọng âm” và thông tin sai lệch. Các chương trình giáo dục, công tác tuyên truyền cần tập trung vào việc giải thích cách thức hoạt động của các thuật toán AI, những nguy cơ tiềm ẩn của việc tiếp xúc với thông tin được cá nhân hóa quá mức và cách nhận diện thông tin giả mạo liên quan đến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ngoài ra, cần khuyến khích người dùng tiếp cận với các nguồn thông tin đa dạng và đáng tin cậy, đồng thời phát triển kỹ năng tư duy phản biện để họ có thể đánh giá thông tin một cách chính xác. Bằng cách này, người dùng sẽ được trang bị đầy đủ kiến thức để bảo vệ bản thân. Việc tuyên truyền, giáo dục nên được tích hợp vào chương trình giáo dục từ sớm, giúp thế hệ trẻ nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng AI một cách có trách nhiệm và an toàn.

*Bốn là*, khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, công ty và các startup khởi nghiệp về AI. Làm tốt giải pháp này có thể tăng cường sự tự chủ, tránh sự lệ thuộc, mất kiểm soát đối với các công ty công nghệ nước ngoài. Qua đó, gián tiếp tăng cường sức mạnh trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đặc biệt là trên không gian mạng. Chính phủ có thể cung cấp các ưu đãi về thuế, tài chính và hỗ trợ kỹ thuật; đầu tư vào hạ tầng công nghệ, mạng lưới internet tốc độ cao, các cơ sở dữ liệu lớn và hệ thống máy tính mạnh mẽ, để hỗ trợ việc nghiên cứu và triển khai AI cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các startup, nhằm thúc đẩy sáng tạo và ứng dụng AI trong đa dạng các lĩnh vực. Điều này không chỉ giúp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển, mà còn khuyến khích họ tự chủ trong việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ AI. Bằng cách này, các doanh nghiệp có thể đóng góp vào việc xây dựng một hệ sinh thái AI đa dạng, hướng tới phát triển bền vững, đồng thời bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng bằng cách kiểm soát và thúc đẩy việc sử dụng AI một cách có trách nhiệm, an toàn.

*Năm là*, cần xây dựng các cơ chế giám sát và kiểm tra chặt chẽ đối với các công ty công nghệ, các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm AI. Bảo đảm rằng các công nghệ này không gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền tảng tư tưởng của Đảng và xã hội. Đồng thời, cần thiết kế các cơ chế kiểm tra để bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm trong quản lý dữ liệu và thông tin. Việc này giúp ngăn chặn việc lạm dụng dữ liệu và thông tin để lan truyền các thông tin sai lệch, gây hoang mang dư luận, ảnh hưởng tới nền tảng tư tưởng của Đảng.

### **3. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU: THÀNH CÔNG VÀ HẠN CHẾ**

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực năm 2020. Sau gần bốn năm thực hiện, trao đổi thương

mại và đầu tư của EU vào Việt Nam đã tăng lên rõ rệt. Tuy nhiên, việc thực hiện EVFTA cũng đặt ra nhiều thách thức và cơ hội mới, như tuân thủ các quy định, nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng những lợi ích mà EVFTA mang lại. Chính vì vậy, đánh giá EVFTA sau gần bốn năm thực hiện là một bước quan trọng trong việc định hình chiến lược phát triển kinh tế của cả Việt Nam và EU trong thời gian tới.

### **Những thành tựu nổi bật**

*Về xuất khẩu.* Sau một năm triển khai Hiệp định, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng 6,2%; năm 2022, đạt 46,83 tỷ USD, tăng 16,7%. Đặc biệt, tuy gạo không phải là mặt hàng chủ lực xuất khẩu sang EU nhưng năm 2022 đã đạt 94.510 tấn, góp phần vào thặng dư thương mại của Việt Nam với EU (đạt 31,4 tỷ USD, tăng 35,1%). Năm 2023, mặc dù xuất khẩu của Việt Nam bị giảm sút, song nhờ tận dụng cơ hội của EVFTA nên mức giảm được thu hẹp đáng kể, từ 10,1% trong nửa đầu năm 2023 xuống còn khoảng 5,9% trong cả năm 2023. Không những vậy, ở các khu vực Tây Âu, Bắc Âu, xuất khẩu của Việt Nam sang các nước này tăng 7,5%. Trong quý I/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 12,2 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2023, mức kỷ lục trong các quý I từ trước đến nay. Đây là thị trường có đóng góp lớn thứ hai vào tăng trưởng giá trị xuất khẩu của Việt Nam, vượt cả Trung Quốc và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Trong những thành tựu trên, *cơ cấu xuất khẩu* cũng có những chuyển dịch tích cực. Năm 2021, nhờ có EVFTA, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vào EU đa dạng hơn. Ngoài những sản phẩm truyền thống, mặt hàng nông sản đều tăng, như cà phê (chiếm 42,2% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản vào EU), hạt điều (33%), cao su (7,9%), rau quả (7,8%), hạt tiêu (7,4%) và gạo (1,7%). Năm 2023, xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện tử tiếp tục tăng. Tuy nhiên, nông sản và hàng tiêu dùng vẫn gặp khó khăn. Cụ thể, thủy sản giảm 30,6%, hạt tiêu giảm 28%, cao su giảm 25%, dệt may (13,8%), giày dép (18,7%). Bước sang quý I/2024, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam sang EU đã phục hồi mạnh mẽ sau sự suy giảm trong năm 2023, với sự gia tăng đáng kể của các mặt hàng sắt thép, cà phê, bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc, hạt tiêu và các sản phẩm từ cao su so với cả quý trước và cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, trong gần bốn năm qua, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU chủ yếu là nông sản, gỗ và các sản phẩm gỗ, dệt may, giày dép, hải sản, sắt thép, máy tính, linh kiện và sản phẩm điện tử, máy móc, thiết bị. Nhờ tận dụng những lợi thế của các mặt hàng này, Việt Nam khai thác được các ưu đãi trong EVFTA, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

*Về cơ cấu thị trường.* Năm 2023, dù gặp nhiều khó khăn, nhưng Việt Nam vẫn giữ được quan hệ tốt với thị trường EU. Trong quý I/2024, Hà Lan trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong EU, chiếm 19,4% thị phần, với xuất siêu gần 2,8 tỷ USD, tăng hơn 577 triệu USD so với cùng kỳ năm 2023.

Như vậy, có thể thấy, EVFTA đã có những tác động tích cực đối với kinh tế Việt Nam, đó là: *Thứ nhất*, tăng kim ngạch xuất khẩu. Tăng trưởng xuất khẩu

của Việt Nam vào EU giai đoạn 2012 - 2022 là 10,5%/năm. Năm 2022, mặc dù còn chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng xuất khẩu vào EU đã tăng mạnh tại những thị trường như Ireland (tăng 45,9%), Đan Mạch (tăng 40,0%), Hà Lan (35,8%), Đức (23,1%). *Thứ hai*, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. EVFTA mở ra cơ hội lớn để Việt Nam có thể xuất khẩu nhiều hơn vào thị trường các nước Ba Lan, Slovenia, Đan Mạch và Rumania. *Thứ ba*, là cơ hội để Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh. Đơn cử tại Đức, người tiêu dùng có nhu cầu cao hoặc nhu cầu đang tăng đối với nhiều sản phẩm của Việt Nam, như dệt may, cà phê, rau quả và đồ gỗ. Đây là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần tại EU.

*Về nhập khẩu.* Năm 2023, Việt Nam tăng cường nhập khẩu từ EU máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, hóa chất... Tuy nhiên, một số mặt hàng giảm về kim ngạch, bao gồm hóa chất (giảm 11,2%), nguyên liệu dệt may (gần 10%) và thủy sản (giảm 5,13%). Trong quý I/2024, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU đạt 3,7 tỷ USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2023.

*Trong cơ cấu hàng hóa*, gần bốn năm qua, Việt Nam nhập khẩu từ EU chủ yếu là máy tính, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, nguyên liệu dệt may, dược phẩm, sữa và sản phẩm sữa. *Trong cơ cấu thị trường*, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Đức, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Ba Lan, Áo, Romania, Séc... Nhập khẩu từ một số nước như Hungary, Thụy Điển, Slovenia, Síp... nhìn chung chưa ổn định.

Nhập khẩu từ EU đã có những tác động tích cực đối với kinh tế Việt Nam: *Một là*, đa dạng hóa nguồn cung. EVFTA giảm thuế nhập khẩu, nên người tiêu dùng Việt Nam có nhiều lựa chọn hàng hóa chất lượng cao, đa dạng về hình thức. Ngoài lợi ích tiêu dùng, nhập khẩu từ EU còn thúc đẩy cạnh tranh và khuyến khích sáng tạo. Qua đó, Việt Nam nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. *Hai là*, chuyên giao công nghệ. Từ năm 2019, EU đã triển khai Thỏa thuận Xanh châu Âu. Thỏa thuận này không chỉ áp dụng cho EU mà còn cho cả các đối tác. Trong bối cảnh đó, EU hỗ trợ Việt Nam chuyển sang sản xuất xanh, tuần hoàn, đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn của EU và phù hợp với xu thế phát triển bền vững. *Ba là*, nhập khẩu nguyên liệu và máy móc hiện đại đã giúp Việt Nam tăng năng suất, chất lượng cạnh tranh khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Cùng với thương mại, EVFTA đã tạo nhiều cơ hội cho EU tiếp cận và mở rộng *đầu tư* ở Việt Nam. Năm 2022, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của EU vào Việt Nam là 27,8 tỷ USD với 2.308 dự án, đưa EU vươn lên vị trí thứ 6 trong số các đối tác có FDI nhiều nhất vào Việt Nam. Năm 2023, FDI của EU vào Việt Nam đạt 27,6 tỷ USD, với 2.384 dự án; 25/27 nước thành viên EU đã rót vốn vào Việt Nam. Đáng chú ý là, Việt Nam đã nhận được nguồn đầu tư chất lượng cao, công nghệ tiên tiến, tạo ra giá trị và lợi ích chung cho cả hai bên.

*Về đối tác*, Hà Lan, Pháp, Luxembourg, Đức, Đan Mạch, Bỉ là sáu nhà đầu tư hàng đầu của EU vào Việt Nam. Cụ thể, Hà Lan là nước đầu tư lớn nhất, với 427 dự án và 14,1 tỷ USD, chiếm 49% số vốn Việt Nam nhận được từ EU.

Tiếp theo, Pháp đầu tư 3,8 tỷ USD. Đức và Đan Mạch cũng có những đầu tư lớn vào Việt Nam. Công ty LEGO (Đan Mạch) đã đầu tư 1 tỷ USD vào sản xuất đồ chơi, mở đầu cho sự gia tăng đầu tư của các tập đoàn EU khác vào Việt Nam.

Ngoài đầu tư của các doanh nghiệp, nguồn vốn vào Việt Nam còn có sự hỗ trợ của các chính phủ trong EU. Cụ thể, chính phủ một số nước đã hỗ trợ kỹ thuật để đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam. Hiện nay, 63% số doanh nghiệp EU đã xếp Việt Nam vào top 10 điểm đến FDI hàng đầu. Trong đó, 31% xếp Việt Nam vào top 3. Vì vậy, Việt Nam cần tranh thủ tìm kiếm nhiều nguồn vốn từ các đối tác nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế.

*Về lĩnh vực đầu tư*, các dự án của EU đã thâm nhập 18/21 ngành, nghề của Việt Nam, trong đó chủ yếu là chế biến, chế tạo; sản xuất, phân phối điện, khí; bất động sản; thông tin; dầu khí...; đầu tư EU đã có mặt tại 54 tỉnh, thành phố của Việt Nam, tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn, như thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương...

Nguồn FDI của EU đã đem lại những tác động tích cực cho kinh tế Việt Nam: 1- *Cơ hội việc làm*. FDI từ EU đã tạo ra hàng nghìn việc làm cho Việt Nam. Các doanh nghiệp EU đã tuyển dụng nhiều lao động có kỹ năng và chuyên môn cao. Điều này không chỉ giúp tăng việc làm, ổn định thị trường lao động mà còn nâng cao chất lượng và thu nhập của lao động, đóng góp tích cực vào cải thiện đời sống của người dân; 2- *Tăng nguồn thu ngoại tệ*, giúp Việt Nam tăng cường dự trữ ngoại tệ. Đầu tư của EU được thực hiện thông qua chuyển giao vốn, thanh toán tiền thuê đất và chi phí hoạt động nên đã làm tăng vốn ngoại hối, tạo nên sự ổn định và linh hoạt trong nền kinh tế, hỗ trợ cho phát triển bền vững của đất nước; 3- *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế*. FDI từ EU chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao như IT, công nghệ xanh, năng lượng tái tạo..., do vậy đã cải thiện năng lực cạnh tranh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam; 4- *Về môi trường kinh doanh*, EVFTA không chỉ có lợi ích về kinh tế mà còn giúp Việt Nam cải cách thể chế, thông qua thiết lập khung pháp lý công bằng và cơ chế lành mạnh để hai bên có thể đẩy mạnh hoạt động. Hiện nay, kinh tế Việt Nam được đánh giá là có động lực phát triển mạnh mẽ; nhiều nhà đầu tư EU hài lòng với môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Ngoài ra, tiến độ chuẩn bị một số văn bản quy phạm pháp luật để triển khai EVFTA có phần nhanh hơn so với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Tuy nhiên, Việt Nam cần cân nhắc cách tiếp cận đối với các cam kết trong một số lĩnh vực, tránh việc áp dụng máy móc các quy định quốc tế thành quy phạm pháp luật trong nước, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

### **Một số hạn chế trong việc thực hiện EVFTA**

*Về xuất khẩu*, hạn chế lớn nhất là sức cạnh tranh của hàng hóa của Việt Nam tại EU còn chưa mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là:

*Các yêu cầu về quy tắc xuất xứ hàng hóa*. Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều khó khăn về quy tắc xuất xứ của EVFTA. Yêu cầu về tỷ lệ hàm lượng



nội địa đang đặt ra nhiều thách thức đối với Việt Nam, khi nhiều ngành sản xuất phụ thuộc vào nguyên liệu của nước ngoài. Chẳng hạn, ngành dệt may của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu từ Trung Quốc. Mặt khác, nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự tìm hiểu và chuẩn bị kỹ để chuyển đổi, tận dụng các cơ hội từ EVFTA. Sau hai năm thực hiện EVFTA, chỉ có 13% doanh nghiệp chủ động thay đổi, điều chỉnh nguồn cung nguyên liệu và quy trình sản xuất để được hưởng ưu đãi thuế quan.

*Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) và Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT).* EU là một thị trường khó tính với mức sống cao. Do vậy, hàng hóa của Việt Nam phải đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe ở đây thì mới tận dụng được EVFTA. Các biện pháp SPS của EU được xem là khắt khe hơn so với khuyến nghị của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tổ chức Thú y thế giới (IOE)... Đa số tiêu chuẩn đó do Ủy ban châu Âu (EC) ban hành, khiến các biện pháp của EU trở thành những rào cản khó khăn nhất đối với nông sản của Việt Nam khi xuất khẩu vào EU. Hơn thế nữa, EU đã điều chỉnh, bổ sung và nâng cao nhiều tiêu chuẩn đối với nhập khẩu. Trong ba năm thực thi EVFTA, mặt hàng nông sản của Việt Nam đã bị EU cảnh báo, nâng tần suất kiểm tra. Tuy nhiên, tỷ lệ xuất khẩu của Việt Nam trong khi tận dụng các ưu đãi từ EVFTA đang cải thiện qua các năm, với khoảng 20% trong năm đầu tiên; 25,9% trong năm 2022 và 35% trong năm 2023. Đây là những tiến bộ đáng mừng đối với chất lượng hàng hóa của Việt Nam.

*Chỉ thị về Thẩm định chuỗi cung ứng.* Các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang EU đang phải đối mặt với khó khăn do Hội đồng châu Âu đã thông qua dự thảo Chỉ thị về Thẩm định chuỗi cung ứng (CS3D) vào ngày 15/3/2024 (hiện đang chờ Nghị viện châu Âu bỏ phiếu). Mục tiêu của CS3D là thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động bền vững và có trách nhiệm trong chuỗi giá trị toàn cầu, yêu cầu các doanh nghiệp phải xác định, ngăn chặn, chấm dứt hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực liên quan đến lao động trẻ em, lao động cưỡng bức,... và môi trường như ô nhiễm và mất đa dạng sinh học. Để đáp ứng các yêu cầu của Chỉ thị CS3D, doanh nghiệp phải tích hợp các chính sách thẩm định vào hoạt động của công ty, xác định các tác động tiềm ẩn, giám sát hiệu quả các chính sách và công khai kết quả thẩm định. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều nguồn lực và chi phí, trong khi các quy định còn có thể khác nhau tùy theo luật của từng quốc gia thành viên EU.

*Nhận diện thương hiệu.* Tuy gia tăng về khối lượng và kim ngạch, nhưng hàng hóa có thương hiệu Việt Nam xuất khẩu vào EU còn khá khiêm tốn, mới có khoảng 40 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được bảo hộ tại EU. Các mặt hàng gạo, cà phê, dệt may... của Việt Nam thuộc nhóm đầu thế giới, song thường nhập khẩu vào EU dưới tên một nước hoặc nhãn hiệu khác khiến giá trị gia tăng bị giảm sút, sức cạnh tranh không được cải thiện. Ví dụ, phần lớn gạo Việt Nam khi xuất khẩu sang EU đều chưa có thương hiệu riêng; “Nước mắm Phú Quốc” đang được bảo hộ ở EU lại là sở hữu của Công ty Viet Hung Fishsauce (Mỹ).

*Về nhập khẩu*, Việt Nam cũng gặp những khó khăn, như cạnh tranh từ hàng hóa và dịch vụ của EU. Việt Nam gặp áp lực cạnh tranh ngay ở trong nước, do hàng hóa chất lượng cao từ EU đã và đang tràn vào, theo đó giá cả giảm giá mạnh. Về chất lượng, sản phẩm của EU được người tiêu dùng nội địa tin tưởng. Do vậy, người Việt Nam sẵn sàng tiêu dùng sản phẩm EU hơn sản phẩm nội địa. Ngoài ra, EU có thể dễ dàng thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài ở Việt Nam, cạnh tranh trong các lĩnh vực mà Việt Nam chưa có thế mạnh hoặc mới phát triển. Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là nhỏ, ít vốn, không đủ sức thay đổi công nghệ trong thời gian ngắn. Trong khi đó, doanh nghiệp EU có công nghệ tiên tiến, nguồn vốn lớn, nhiều kinh nghiệm... Đây thực sự là những khó khăn đối với Việt Nam.

### **Giải pháp để tận dụng tối đa lợi ích từ EVFTA**

Để khai thác có hiệu quả hơn nữa EVFTA, Việt Nam cần chú trọng một số vấn đề sau:

*Đối với Nhà nước, cần tăng cường tuyên truyền và phổ biến về EVFTA.* Hiện nay, việc tận dụng các ưu đãi từ EVFTA vẫn còn khá thấp, mới có 17% doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế khi xuất khẩu và 16% khi nhập khẩu. Một trong những nguyên nhân cơ bản là thiếu thông tin và tuyên truyền về EVFTA. Để giải quyết vấn đề này, Chính phủ cần tăng cường tuyên truyền và phổ biến về EVFTA, về thị trường EU, thông qua các trang thông tin điện tử, báo, đài...; cần triển khai các lớp tập huấn, hội thảo để nâng cao nhận thức và hiểu biết về nội dung cam kết, các công việc cần thiết để thực thi EVFTA có hiệu quả.

*Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Việt Nam tại thị trường EU.* Trên thực tế, nhiều cơ quan đại diện của Việt Nam ở EU đã trở thành cầu nối hiệu quả giữa trong và ngoài nước, giúp doanh nghiệp xác định đúng tiêu chí, lộ trình tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, các cơ quan Việt Nam tại EU cần chú trọng hơn nữa tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, cung cấp thông tin chính xác và hỗ trợ các doanh nghiệp EU quan tâm đến Việt Nam. Để hợp tác hiệu quả, các cơ quan này cần liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh trong và ngoài nước, thông qua tổ chức các diễn đàn, hội thảo định kỳ để trao đổi, giải đáp các thắc mắc liên quan đến quy định, chính sách mới, thông tin về thị trường và ngành, nghề kinh doanh tại Việt Nam; hỗ trợ doanh nghiệp EU tiếp cận thông tin một cách hiệu quả và nhanh chóng. Ngoài ra, Chính phủ cần xây dựng cơ chế liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh trong nước, tổ chức các cuộc họp và diễn đàn thương mại định kỳ để trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm.

*Xây dựng chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp.* Chương trình này phải chú trọng giảm bớt sự chênh lệch giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước trong khai thác EVFTA, mở rộng thị trường và tăng giá trị xuất khẩu. Cụ thể, Chính phủ cần xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về tài chính, đào tạo, tư vấn về tiêu chuẩn chất lượng; hỗ trợ và tư vấn về thâm nhập và mở rộng thị trường mới; hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi và phát triển bền vững. Bên cạnh

đó, Chính phủ cần đồng thời bảo đảm tính ổn định, nhất quán và minh bạch của các chính sách này.

### *Đối với doanh nghiệp*

*Đầu tư cải tiến kỹ thuật, công nghệ* thông qua áp dụng công nghệ mới, quy trình sản xuất hiện đại và hợp tác kỹ thuật với các đối tác EU có kinh nghiệm. Ví dụ, đối với nông sản, cần đầu tư theo hướng áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn chất lượng như ISO 9000, HACCP, ISO 14000 để đáp ứng thị trường EU. Đồng thời, cần bảo đảm quy trình sản xuất sẽ đáp ứng được các tiêu chuẩn về chứng từ và thủ tục liên quan, thông qua việc cải thiện quản lý và đào tạo nhân viên về các quy định mới của Hiệp định.

*Nâng cao chất lượng sản phẩm* là chìa khóa để cạnh tranh và thâm nhập sâu hơn vào EU, do đó, các doanh nghiệp cần: *Thứ nhất*, thay đổi nguồn nguyên liệu và quy trình sản xuất để bảo đảm tuân thủ quy định về xuất xứ và hàm lượng nội địa. Thay vì dựa vào nhập khẩu, các doanh nghiệp cần tìm nguồn nguyên liệu nội địa để tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh. *Thứ hai*, hiểu rõ các điều khoản trong EVFTA liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, nắm vững lộ trình giảm thuế, các quy định về tiêu chuẩn và chất lượng hàng hóa của đối tác. Có như vậy, doanh nghiệp mới được hưởng các ưu đãi của Hiệp định.

*Xây dựng và tích hợp các chính sách thẩm định chuỗi cung ứng* vào hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp. Đây là giải pháp quan trọng để đáp ứng các yêu cầu của Chỉ thị CS3D. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải thiết lập các quy trình, tiêu chuẩn rõ ràng để đánh giá, quản lý các tác động tiêu cực liên quan đến quyền lợi của người lao động và môi trường trong toàn bộ chuỗi cung ứng của mình. Chính sách thẩm định cần được xây dựng không chỉ đáp ứng các yêu cầu pháp lý của EU mà còn phù hợp với tình hình thực tế và khả năng của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải thường xuyên đánh giá và cập nhật chính sách này để bảo đảm sự tuân thủ các quy định mới nhất và đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

*Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm* để tăng cường cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi và uy tín trên thị trường EU. *Trước tiên*, cần đăng ký bảo hộ sản phẩm tại EU để sản phẩm được bảo vệ và không bị sao chép. Cần lưu ý rằng ở EU, ngoài hệ thống đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trực tiếp ở mỗi quốc gia (chỉ có hiệu lực trong quốc gia đó), còn có Nhãn hiệu EU (European Union Trade Mark - EUTM) có phạm vi bảo hộ ở 27 nước thành viên EU. Do vậy, cần chọn phương thức đăng ký bảo hộ phù hợp với chiến lược kinh doanh.

*Hai là*, cần tìm kiếm đối tác uy tín và chuyên gia về thị trường EU, vì họ sẽ đóng vai trò quan trọng trong giới thiệu và lan tỏa thương hiệu sản phẩm một cách hiệu quả. Hơn nữa, họ có thể giúp doanh nghiệp tìm ra cách tiếp cận thị trường một cách thông minh và tối ưu.

*Ba là*, sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để quảng bá thương hiệu là rất quan trọng. Đơn cử như, doanh nghiệp xuất khẩu có thể sử dụng như Facebook, Instagram và YouTube để chia sẻ video, hình ảnh về quy trình thu hoạch, chế biến... Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần tương tác với khách hàng

thông qua việc trả lời các câu hỏi, nhận xét và phản hồi từ người tiêu dùng. Bằng cách này, doanh nghiệp có thể tiếp cận trực tiếp đến nhiều khách hàng tiềm năng tại EU.

*Bốn là*, trong ngắn hạn, việc đưa sản phẩm mang thương hiệu riêng vào EU có thể gặp nhiều khó khăn. Do đó, các doanh nghiệp có thể sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu để đáp ứng linh hoạt và hiệu quả hơn nhu cầu của thị trường. Điều này giúp doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm phù hợp và thâm nhập thị trường mục tiêu một cách nhanh chóng và linh hoạt.

### **III. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI**

#### **1. NGƯỜI DI CƯ RA NƯỚC NGOÀI TIẾP TỤC GIA TĂNG THỜI GIAN GẦN ĐÂY**

Trong bối cảnh các điểm nóng xung đột vẫn tiếp diễn, thảm họa thiên nhiên ngày càng khó lường, số người mạo hiểm để di cư ra nước ngoài tiếp tục tăng cao ở mức đáng báo động.

Theo Báo cáo của Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR) công bố tháng 6/2024, số người phải rời bỏ nhà cửa vì xung đột, bạo lực và ngược đãi cuối năm 2023 khoảng 117,3 triệu người, tăng 8% so với mức cùng kỳ năm 2022. Báo cáo của Cơ quan tị nạn Liên minh châu Âu (EUAA) cho biết, trong năm 2023, số đơn xin tị nạn ở EU cùng Na Uy và Thụy Sĩ đã tăng lên mức 1,14 triệu đơn, mức cao nhất kể từ cuộc khủng hoảng người di cư giai đoạn 2015 - 2016, gây bất ổn nghiêm trọng cho sự hợp tác giữa các quốc gia thành viên. Theo EUAA, nhóm công dân Syria và Afghanistan là nhóm nộp đơn xin tị nạn nhiều nhất. Theo UNHCR, ít nhất 22 triệu người tại châu Mỹ buộc phải rời bỏ nhà cửa do nghèo đói và xung đột, gây khó khăn cho các hoạt động cứu trợ nhân đạo và khiến tình trạng di cư ở châu lục thêm trầm trọng. Ủy ban Cứu trợ Quốc tế (IRC) cảnh báo, hàng nghìn người có thể phải rời Ecuador và Haiti trong năm 2024 do khủng hoảng nhân đạo, bạo lực leo thang, nghèo đói gia tăng và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Xung đột vũ trang và bạo lực tiếp tục là nguyên nhân hàng đầu khiến nhiều người phải rời bỏ nhà cửa. Bên cạnh đó, thiên tai cũng khiến hàng triệu người phải di cư mỗi năm. Do tần suất, thời lượng và cường độ các mối đe dọa từ thiên nhiên ngày càng nghiêm trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, các chuyên gia dự báo số người phải di cư do thiên tai dự kiến còn tăng trong những năm tới.

Để giải quyết tình trạng trên, nhiều nước đã có các giải pháp ứng phó:

Các nước Mỹ, Colombia và Panama tháng 4/2023 công bố thỏa thuận chung về giải quyết vấn đề người di cư, theo đó khẳng định sẽ tạo ra những con đường hợp pháp và linh hoạt mới cho hàng chục nghìn người di cư và người tị nạn, như là giải pháp cho vấn đề di cư bất hợp pháp. Mexico và Mỹ nhất trí thành lập ủy ban chung chuyên trách giải quyết vấn đề người di cư, trong đó có nhiệm vụ phối hợp hỗ trợ cải thiện tình hình kinh tế tại các nước trong khu vực và đối thoại thường xuyên với các quốc gia có người di cư.

Liên minh châu Âu (EU) tháng 5/2024 chính thức thông qua Hiệp ước mới về di cư và tị nạn, đánh dấu một cuộc cải tổ mang tính bước ngoặt của khối. Hiện các nước châu Âu đang tăng cường các biện pháp kiểm soát biên giới bên ngoài, đặc biệt là thông qua việc mở rộng vai trò của cơ quan Frontex (Cơ quan Biên phòng và Bảo vệ bờ biển châu Âu). Đồng thời, châu Âu đang tích cực ký kết các thỏa thuận với các quốc gia ngoài EU, như Thổ Nhĩ Kỳ và một số quốc gia Bắc Phi, nhằm ngăn chặn dòng người di cư.

Kenya đang lên kế hoạch biến các trại tị nạn cũ thành những khu định cư, nơi người tị nạn có thể tiếp cận đầy đủ các dịch vụ thiết yếu.

Trong tháng 8/2024, Bộ Nội vụ Anh công bố thông tin về việc tìm kiếm các đối tác thương mại cung cấp dịch vụ hỗ trợ công tác đưa người nhập cư trái phép vào Anh quay trở lại quê hương của họ để tái hòa nhập cộng đồng. Thông báo nêu rõ, Anh có kế hoạch đưa người nhập cư trái phép trở về 11 nước, chủ yếu là quốc gia châu Á và châu Phi, như: Iraq, Ấn Độ, Pakistan, Ethiopia, Ghana, Nigeria... Trong 6 tháng tới, chính phủ Anh có kế hoạch đạt được tỷ lệ trục xuất cao nhất đối với những người không được cấp quyền cư trú tại Anh kể từ năm 2018, bao gồm cả những người không được chấp thuận đơn xin tị nạn...

Theo các nhà phân tích, để giải quyết vấn đề người di cư, cộng đồng quốc tế cần thể hiện trách nhiệm trong việc hỗ trợ và tiếp nhận người tị nạn, cũng như giải quyết các cuộc xung đột, vốn là nguyên nhân gốc rễ của vấn đề này.

## **2. CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA NGA TẠI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Mặc dù đã có nhiều tuyên bố chính trị của các nhà lãnh đạo Nga về việc chuyển hướng chính sách đối ngoại ưu tiên và tập trung vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương, song sự đa dạng hóa và hội nhập vào khu vực này của Nga vẫn bị cản trở bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Cuộc xung đột Nga - Ukraine và mối quan hệ “xuống dốc” giữa Nga với Mỹ và phương Tây càng đẩy cao nhu cầu chuyển hướng ưu tiên ngoại giao từ Tây sang Đông của Nga. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa chiến lược này vẫn còn đứng trước không ít thách thức.

### **Nga điều chỉnh ưu tiên ngoại giao từ Tây sang Đông**

Trong suốt chiều dài lịch sử, Nga luôn định hình bản sắc ngoại giao dựa vào không gian châu Âu - Đại Tây Dương. Các đối tác truyền thống châu Âu luôn giữ vai trò và ảnh hưởng lớn để Nga xây dựng và triển khai chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, kể từ đầu thế kỷ XXI đến nay, tư duy ngoại giao truyền thống lấy phương Tây làm trung tâm của Nga bắt đầu chịu nhiều ảnh hưởng lớn. Có ba nhân tố chính tác động đến tiến trình này, bao gồm: 1- Các mối đe dọa từ môi trường địa - chính trị xung quanh nước Nga; 2- Việc Mỹ tăng cường can dự tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đẩy mạnh cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc; 3- Vị thế địa - chiến lược, những lợi ích kinh tế tiềm năng mà khu vực châu Á - Thái Bình Dương có thể mang lại cho Nga trong bối cảnh địa - chính trị toàn cầu có nhiều thay đổi.

Liên quan đến yếu tố môi trường an ninh xung quanh Nga, tác động lớn nhất chính là việc Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Mỹ không ngừng gia tăng, mở rộng ảnh hưởng về phía Đông, sang các nước Baltic - vốn là địa bàn trọng yếu nằm trong vùng ảnh hưởng của Nga. Các cuộc “cách mạng màu” lần lượt nổ ra ở Gruzia và Ukraine trong giai đoạn 2003 - 2005, việc Mỹ đẩy nhanh triển khai căn cứ chống tên lửa ở Đông Âu, cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 đã thúc đẩy Nga điều chỉnh chính sách đối ngoại đối với phương Tây. Quan hệ hai bên dần đi xuống và rạn nứt nghiêm trọng, nhất là sau sự kiện bán đảo Crime trung cầu ý dân sáp nhập vào Nga năm 2014, tiếp đó là việc các nước phương Tây loại Nga khỏi Nhóm tám quốc gia công nghiệp hàng đầu thế giới (G-8). Chiến lược An ninh quốc gia Nga năm 2021 đã coi việc các nước phương Tây theo đuổi chủ nghĩa bá quyền nước lớn là một trong những mối đe dọa an ninh hàng đầu đối với Nga, sẽ dẫn đến môi trường địa - chính trị của Nga ngày càng xấu đi. Trong bản Chiến lược đối ngoại mới được Nga công bố vào tháng 3/2023, Nga tiếp tục xác định hầu hết các quốc gia châu Âu đang theo đuổi chính sách “hiếu chiến” đối với Nga và đang tạo ra các mối đe dọa đối với an ninh, chủ quyền của Nga. Nga chủ trương kiên định bảo vệ lợi ích quốc gia của mình với những ưu tiên: giảm thiểu mức độ và vô hiệu hóa các mối đe dọa đối với an ninh, toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền, các giá trị đạo đức, tinh thần truyền thống và sự phát triển kinh tế - xã hội của Nga từ phía các quốc gia “không thân thiện”. Từ thời điểm này, có thể thấy, Nga đã dần từ bỏ kế hoạch về một sự “hội nhập” với phương Tây, chính thức công nhận sự chia rẽ sâu sắc trong quan hệ giữa hai bên. Quan hệ Nga - Mỹ, Nga - châu Âu dần rơi xuống mức thấp nhất kể từ Chiến tranh lạnh, mà đỉnh điểm là cuộc xung đột Nga - Ukraine kéo dài từ cuối tháng 02/2022 đến nay.

Nhân tố thứ hai là việc Mỹ tăng cường can dự tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đẩy mạnh cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc. Từ chiến lược “tái can dự” dưới thời kỳ Tổng thống Mỹ Barack Obama đến chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” dưới thời kỳ Tổng thống Mỹ Donald Trump và Tổng thống Mỹ Joe Biden, Mỹ cùng với đồng minh châu Âu đã từng bước củng cố, tập hợp lực lượng, mở rộng phạm vi ảnh hưởng tại khu vực chiến lược và có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới này, coi đây là trọng tâm trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc. Bên cạnh đó, sự hình thành Nhóm “Bộ tứ” (QUAD) và Thỏa thuận quốc phòng ba bên giữa Australia, Anh và Mỹ (AUKUS) cũng đã dẫn đến nhiều thay đổi trong cán cân quyền lực tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Điều này khiến Nga cảm thấy “bất an” vì về mặt chiến lược, phương Đông vẫn luôn nhận được sự quan tâm của Nga cả về địa - chính trị lẫn địa - kinh tế. Năm 2016, Tổng thống Nga V. Putin đã đề xuất chiến lược đối tác Đại Á - Âu, với tham vọng hình thành một không gian chính trị, kinh tế, an ninh và văn hóa trải rộng từ Á sang Âu trên nền tảng Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Gần đây, trong bối cảnh quan hệ với Mỹ và phương Tây suy giảm nghiêm trọng, Nga càng đẩy mạnh chuyển hướng chính sách đối ngoại sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Chiến lược An ninh quốc gia của Nga trong những năm gần đây đã coi châu Á - Thái Bình Dương là địa bàn

quan trọng để Nga củng cố và gia tăng ảnh hưởng, trong đó Nga chủ trương phát triển quan hệ với Trung Quốc, Ấn Độ và nhiều quốc gia khác tại khu vực.

Yếu tố thứ ba là vị thế địa - kinh tế của khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong nền kinh tế hội nhập toàn cầu và những lợi ích kinh tế rõ ràng mà khu vực này có thể mang đến cho Nga, nhất là trong lĩnh vực hợp tác năng lượng - trụ cột của nền kinh tế Nga. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương được dự báo sẽ tiếp tục duy trì sự năng động, phát huy vai trò “đầu tàu” kinh tế toàn cầu với dự báo tăng trưởng trung bình đạt 5,2%/năm vào năm 2030, chiếm 40% tổng sản phẩm nội địa (GDP) toàn cầu, là trung tâm của nhiều liên kết kinh tế và sáng kiến quốc tế. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng có vị trí ngày càng lớn. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng chiếm hơn 40% số lượng năng lượng tiêu thụ trên toàn cầu và nhu cầu về tài nguyên năng lượng tiếp tục gia tăng mạnh mẽ trong những năm tới. Mục tiêu trong chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu năng lượng được đề ra trong Chiến lược năng lượng hướng Đông của Nga tập trung chính vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Thông điệp liên bang của Tổng thống Nga V. Putin trước Quốc hội Nga năm 2016 nhấn mạnh mục tiêu chính sách “hướng Đông” của Nga không chỉ là những tính toán ngắn hạn do khủng hoảng quan hệ với Mỹ và EU, mà còn do những lợi ích quốc gia dài hạn và xu hướng phát triển toàn cầu. Tiềm lực khu vực châu Á - Thái Bình Dương có hiệu quả đối với việc chấn hưng tình hình kinh tế - xã hội ở khu vực phía Đông nước Nga và tăng cường vai trò, địa vị trong khuôn khổ khu vực này.

### **Những nỗ lực tăng cường hiện diện tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Nga**

Trong những năm gần đây, Nga từng bước đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các nước châu Á - Thái Bình Dương trên cả kênh song phương và đa phương, đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là trước khi Nga triển khai “chiến dịch quân sự đặc biệt” tại Ukraine. Nga đã phát triển quan hệ với nhiều đối tác tại khu vực, bao gồm các nước lớn có ảnh hưởng quan trọng, như Trung Quốc, Ấn Độ; các đối tác truyền thống, như Mông Cổ, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Triều Tiên, Việt Nam, ASEAN và kể cả các đồng minh truyền thống của Mỹ, như Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trung Quốc là mối quan hệ song phương quan trọng nhất của Nga ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Năm 2021, hai nước kỷ niệm 20 năm ký kết Hiệp ước láng giềng hữu nghị và hợp tác Trung Quốc - Nga, đồng thời gia hạn hiệp ước này thêm 5 năm. Tháng 02/2022, nhân chuyến thăm Trung Quốc và dự lễ khai mạc Thế vận hội mùa đông Bắc Kinh của Tổng thống Nga V. Putin, hai bên đã ra Tuyên bố chung Trung Quốc - Nga về quan hệ quốc tế và phát triển bền vững toàn cầu trong kỷ nguyên mới. Hợp tác năng lượng Trung Quốc - Nga không ngừng được củng cố và phát triển với nhiều dự án quan trọng được hoàn thiện và triển khai, như dự án đường ống dẫn dầu xuyên Siberia đến bờ Thái Bình Dương (ESPO), dự án đường ống dẫn khí đốt “sức mạnh Siberia 1” chạy qua vùng Viễn Đông sang khu vực châu Á với điểm đến đầu tiên là Trung Quốc. Nga hiện đang thúc đẩy để đạt được thỏa thuận về xây dựng đường ống “sức

manh Siberia 2” với Trung Quốc. Đối với Nga, Trung Quốc không chỉ là chỗ dựa chiến lược, mà còn là đối tác thương mại và là nguồn thu hút đầu tư quan trọng. Chiến lược đối ngoại mới của Nga (tháng 3/2023) xác định tăng cường quan hệ đối tác chiến lược và hợp tác toàn diện với Trung Quốc, chủ trương kết hợp EAEU với Sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI) của Trung Quốc để xây dựng không gian hợp tác bình đẳng và cùng có lợi trên toàn lục địa Á - Âu.

Ấn Độ luôn là một trong những đối tác quan trọng nhất của Nga ở khu vực châu Á. Trong chiến lược đối ngoại mới, Nga đã bổ sung nội dung “xây dựng quan hệ đối tác chiến lược ưu tiên đặc biệt” với Ấn Độ, đồng thời nỗ lực lấy lại động lực cho mối quan hệ hai nước, nâng cao mức độ và mở rộng hợp tác trong tất cả các lĩnh vực trên cơ sở cùng có lợi. Thông qua các thỏa thuận hợp tác được ký kết tại Hội nghị cấp cao Nga - Ấn Độ hằng năm (tổ chức từ năm 2000), hai bên đều thể hiện mong muốn thúc đẩy hợp tác song phương trong nhiều vấn đề, từ thương mại, kết nối và năng lượng đến các vấn đề an ninh khu vực. Tháng 12/2021, hai nước đã ký kết “Thỏa thuận hợp tác quân sự và kỹ thuật” giai đoạn 2021 - 2030. Nga cũng là nhà cung cấp vũ khí chính của Ấn Độ, đồng thời hai bên phối hợp sản xuất nhiều loại vũ khí, trang thiết bị quốc phòng chiến lược, trong đó đáng chú ý là thỏa thuận Nga cung cấp hệ thống tên lửa phòng không S400 cho Ấn Độ. Nga còn thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc và Ấn Độ trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác đa phương, nổi bật nhất là SCO, Nhóm các nền kinh tế mới nổi (BRICS) và Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS). Nga cũng là nước đóng vai trò tích cực trong việc vận động và thiết lập cơ chế ba bên Trung Quốc - Nga - Ấn Độ (RIC) với mong muốn hình thành một cơ chế hợp tác “tam giác” giữa ba cường quốc trên không gian Á - Âu rộng lớn.

Trong quan hệ với Nhật Bản và Hàn Quốc, xuất phát từ thực tế cả hai nước này vốn là đồng minh thân cận của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Nga chủ trương tập trung ổn định quan hệ, nỗ lực đạt được sự tương tác mang tính xây dựng trên cơ sở kiểm soát tốt những bất đồng với Nhật Bản và Hàn Quốc. Quan hệ Nga - Nhật Bản đạt được những tiến triển đáng kể, nhất là dưới thời kỳ Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe khi Nhật Bản thay đổi lập trường vốn trước nay “không tách rời vấn đề kinh tế và chính trị” sang sử dụng chính sách thúc đẩy hợp tác kinh tế song song với đàm phán về lãnh thổ. Nga đã phát triển quan hệ với Nhật Bản để tìm kiếm lợi ích về kinh tế và an ninh cũng như cân bằng cán cân quyền lực tại khu vực. Đối với Hàn Quốc, trao đổi cấp ngoại trưởng giữa hai nước diễn ra thường xuyên. Nga coi Hàn Quốc là đối tác quan trọng và đầy hứa hẹn tại khu vực, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì hòa bình và ổn định trên bán đảo Triều Tiên và khu vực Đông Bắc Á, chủ trương ủng hộ các bên liên quan từ bỏ chạy đua vũ trang và ngừng hành động gia tăng căng thẳng quân sự. Sau Hội nghị Ngoại trưởng tại Thủ đô Seoul (Hàn Quốc, tháng 3/2021), hai bên nhất trí đẩy nhanh đàm phán hiệp định thương mại tự do (FTA) trong lĩnh vực dịch vụ và đầu tư. Trong các năm 2020 và 2021, hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động giao lưu nhân dân nhằm thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau, đặc biệt giữa các địa phương hai nước.

CHDCND Triều Tiên, Mông Cổ và Việt Nam là những đối tác châu Á truyền thống quan trọng để Nga triển khai chính sách đối ngoại tại khu vực châu



Á - Thái Bình Dương. Tháng 12/2021, Nga và Mông Cổ đã ký kết Tuyên bố chung nhân kỷ niệm 100 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, nhấn mạnh hợp tác quân sự và kỹ thuật quân sự là một bộ phận quan trọng của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Trong khi đó, Nga và CHDCND Triều Tiên luôn dành sự ủng hộ cho nhau qua các kênh gián tiếp, điển hình như năm 2021, Nga và Trung Quốc đề xuất một nghị quyết đề trình lên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ủng hộ việc nói lỏng các biện pháp trừng phạt đối với CHDCND Triều Tiên. Việt Nam là đối tác để Nga mở rộng quan hệ với các nước Đông Nam Á. Hai nước đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, hợp tác trên các lĩnh vực, nhất là quốc phòng, năng lượng đạt được nhiều bước tiến vững chắc.

ASEAN là một trong những khu vực trọng điểm của chiến lược “chuyển sang hướng Đông” của Nga, do vậy, Nga hết sức coi trọng việc không ngừng mở rộng các kênh đối thoại nhằm làm phong phú nội hàm quan hệ đối tác chiến lược với ASEAN. ASEAN tiếp tục là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nga trong khuôn khổ Sáng kiến Đại Á - Âu thông qua các cơ chế do ASEAN giữ vai trò trung tâm và các khuôn khổ, như SCO, EAEU, cam kết thúc đẩy hợp tác toàn diện với ASEAN, nhất là trong các lĩnh vực mà Nga có thế mạnh. Ngoài ra, Nga cũng từng bước đẩy mạnh quan hệ với một số nước trong khu vực, như Indonesia, Lào, Philipines, Thái Lan, Singapore, Malaysia. Cuộc tập trận chung trên biển lần đầu tiên giữa Nga và các nước ASEAN (tháng 12/2021) được coi là một sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác giữa hai bên với sự tham gia của đầy đủ 10 nước ASEAN. Chiến lược đối ngoại mới của Nga đặt mục tiêu cùng ASEAN và các nước trong khu vực thúc đẩy hình thành một cấu trúc an ninh toàn diện trong khu vực mở, không thể chia cắt, minh bạch, đa phương, bình đẳng và hợp tác cùng có lợi trên cơ sở tập thể, không liên kết thành khối.

Bên cạnh việc đẩy mạnh quan hệ chính trị - ngoại giao, quốc phòng, Nga cũng tăng cường hoạt động ngoại giao kinh tế, triển khai nhiều biện pháp nhằm đưa khu vực Viễn Đông của Nga trở thành điểm đột phá trong hội nhập kinh tế với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Diễn đàn Kinh tế phương Đông trải qua 8 lần tổ chức đã trở thành cơ chế quan trọng nhất để Nga thiết lập và kết nối với các nền kinh tế lớn trong khu vực châu Á, như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, ASEAN... Quy mô thương mại giữa Nga và nhiều đối tác ở khu vực ghi nhận sự tăng trưởng khá ấn tượng, nhất là trước khi xảy ra cuộc xung đột Nga - Ukraine. Bất chấp các lệnh trừng phạt và phong tỏa của Mỹ và phương Tây, hợp tác thương mại của Nga với các đối tác châu Á - Thái Bình Dương tăng 13,7% vào năm 2022 và 18,3% trong 6 tháng đầu năm 2023. Đặc biệt, tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc với Nga tăng mạnh, dự kiến sẽ đạt mục tiêu 200 tỷ USD trước thời hạn.

Kể từ khi cuộc xung đột Nga - Ukraine nổ ra, lập trường của các nước châu Á - Thái Bình Dương đối với Nga nhìn chung khá ôn hòa, thậm chí một số nước còn tăng cường hợp tác với Nga. Đơn cử như, Trung Quốc mua khí tự nhiên hóa lỏng của Nga ở mức cao kỷ lục, số lượng dầu mỏ và than nhập khẩu cũng tăng mạnh. Bất chấp sự phản đối của phương Tây, số lượng dầu mỏ nhập khẩu vào Ấn Độ từ Nga vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao kỷ lục. Tại Đông Nam Á,

Thái Lan không tham gia trừng phạt Nga, đồng thời nỗ lực khôi phục các liên kết kinh tế giữa hai nước. Indonesia với vai trò là chủ nhà Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G-20) năm 2023 giữ quan điểm trung lập, đồng thời hai bên thúc đẩy dự án xây dựng nhà máy lọc dầu trị giá 16 tỷ USD tại Indonesia.

### **Một số thách thức và hạn chế trong triển khai chính sách đối ngoại của Nga ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương**

Thách thức lớn nhất trong quan hệ giữa Nga và các đối tác châu Á - Thái Bình Dương hiện nay chính là những căng thẳng địa - chính trị, tác động từ các lệnh trừng phạt liên quan đến cuộc xung đột Nga - Ukraine, thể hiện rõ nhất ở tác động kinh tế và ngoại giao. Liên quan đến các hoạt động kinh tế, việc Mỹ và phương Tây loại Nga khỏi thị trường tài chính và hệ thống thanh toán do phương Tây giữ vai trò chủ đạo sẽ khiến chi phí trong các giao dịch thương mại giữa Nga và các đối tác châu Á - Thái Bình Dương gia tăng đáng kể. Bên cạnh đó, việc Mỹ kiểm soát xuất khẩu hàng hóa với Nga và nỗi lo về các lệnh trừng phạt “thứ cấp” đã và đang tạo ra những lực cản tâm lý nhất định, ảnh hưởng đến trao đổi thương mại - đầu tư giữa các nước với Nga.

Trên bình diện chính trị - ngoại giao, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore là những nước tỏ rõ lập trường và có những bước đi quyết liệt cùng Mỹ và phương Tây áp đặt các lệnh trừng phạt, phong tỏa đối với Nga. Nga đã liệt những nước này vào danh sách “các quốc gia không thân thiện”. Điều này đồng nghĩa với việc “đóng băng” quan hệ giữa Nga và các nước này, thậm chí có phần căng thẳng hơn, như cả Nga và Nhật Bản đều quay trở lại đẩy cao tuyên bố chủ quyền đối với các vùng đảo tranh chấp. Về lâu dài, có thể nghiêm trọng hơn là nguy cơ đối đầu, chia rẽ, sự xuất hiện một cuộc chiến tranh lạnh mới và quan hệ với Nga trở thành vấn đề mà các đảng phái tại Nhật Bản, Hàn Quốc sử dụng để kích động thêm xu hướng bảo thủ trong dư luận, phục vụ các mục đích chính trị. Điều này sẽ làm suy giảm tiềm lực phát triển quan hệ giữa Nga - Hàn Quốc, Nga - Nhật Bản về lâu dài. Đồng thời, trong chính sách ngoại giao châu Á - Thái Bình Dương, Nga chỉ có thể nghiêng về các đối tác truyền thống, các công cụ ngoại giao cũng bị hạn chế và việc đa dạng hóa đối tác gặp nhiều khó khăn hơn.

Bên cạnh những thách thức do cuộc xung đột với Ukraine, có thể thấy, có những điểm hạn chế trong chính sách và thực lực triển khai đã và hiện vẫn tiếp tục kìm hãm nước Nga phát huy sức ảnh hưởng lớn hơn, có vị trí xứng “tâm” hơn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đó là sự đơn điệu trong lĩnh vực và phương thức hợp tác. Hiện tại, các cuộc tiếp xúc cấp cao, hợp tác quân sự và xuất khẩu năng lượng vẫn là những trọng tâm chính trong chính sách ngoại giao của Nga tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Quy mô và chất lượng hợp tác kinh tế, thương mại còn nhiều hạn chế. Sáng kiến Đại Á - Âu còn mơ hồ và chưa có kế hoạch cụ thể, hợp tác giữa EAEU với các đối tác khu vực châu Á - Thái Bình Dương mới dừng lại ở số lượng hai FTA với Việt Nam và Singapore và một số dự án tiềm năng kết nối EAEU với BRI của Trung Quốc. Phần lớn sự tăng trưởng thương mại giữa vùng Viễn Đông của Nga và châu Á - Thái Bình Dương chủ yếu là nhờ sự gia tăng quan hệ thương mại với Trung Quốc. Trung

Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu dầu thô và là nhà đầu tư chính lớn nhất của Nga. Việc giữ được lợi ích trong quan hệ hợp tác Trung Quốc - Nga, đồng thời đa dạng hóa đối tác luôn là mục tiêu quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga. Bối cảnh quốc tế và khu vực phức tạp hiện nay, nhất là những tác động từ cuộc xung đột tại Ukraine, khiến cho mục tiêu trên của Nga ngày càng khó thực hiện hơn.

Với xu thế phát triển đa dạng hiện nay của thế giới, nhất là dưới tác động của cuộc cách mạng công nghệ, cách mạng năng lượng mới, các nguồn lực vốn là “điểm mạnh” của nền ngoại giao truyền thống của Nga đang phải đối mặt với tình trạng suy giảm ảnh hưởng, như tiềm lực quân sự, đặc quyền trong các tổ chức quốc tế, đặc biệt là vị trí Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, tiềm năng về nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lượng. Ngoài lĩnh vực năng lượng, lĩnh vực ngoại giao của Nga tại châu Á - Thái Bình Dương còn thiếu những công cụ kinh tế mạnh. Điều này tạo ra sức ép buộc Nga phải đẩy nhanh việc mở rộng phương thức, công cụ ngoại giao trong tình hình mới, nhất là ngoại giao kỹ thuật số, ngoại giao xanh và tìm được chỗ đứng trong các ngành công nghiệp mới nổi, thúc đẩy việc ký kết các FTA theo hướng Đông và hội nhập vào chuỗi giá trị khu vực châu Á.

Trong bối cảnh không gian chiến lược phía Tây ngày càng bị thu hẹp, quan hệ Nga - Mỹ và phương Tây bế tắc, Nga chủ trương thúc đẩy mạnh mẽ đạt được các đột phá về ngoại giao tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhằm mở rộng không gian địa - chiến lược, phạm vi phát triển và ảnh hưởng, đồng thời củng cố an ninh ở sườn phía Đông với mục tiêu kiềm chế Mỹ, cân bằng với Trung Quốc và ngăn chặn Nhật Bản. Trong hoạch định và triển khai quan hệ đối ngoại, Việt Nam cần chú ý đến bối cảnh địa - chính trị và nhu cầu này của Nga.

Xét về tương quan địa - chính trị, địa - chiến lược giữa các quốc gia trên thế giới, Nga là một cường quốc có vai trò, vị thế quốc tế và ảnh hưởng lớn, có sức mạnh, tiềm lực khoa học - công nghệ, quân sự vượt bậc và hàng đầu thế giới (sau Mỹ). Thời gian gần đây, vai trò của Nga trong cấu trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng rõ nét, tiềm lực công nghệ quân sự và vị thế của Nga vẫn có sức ảnh hưởng lớn đối với các nước trong khu vực dù trong bối cảnh cuộc xung đột Nga - Ukraine đã tạo ra những tác động, hạn chế nhất định. Đồng thời, mặc dù trải qua nhiều biến thiên của lịch sử và sự vận động phức tạp của bối cảnh thế giới, khu vực, Nga luôn đánh giá cao quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam, coi Việt Nam là ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nga tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây là nền tảng chính trị hết sức quan trọng để hai bên kiên trì hợp tác, vượt qua những khó khăn trước mắt, đưa quan hệ Việt Nam - Nga phát triển thực chất hơn; nâng cao hơn nữa tin cậy chính trị, gắn bó chiến lược và hiệu quả hợp tác trong các lĩnh vực để hai bên thực sự trở thành những đối tác quan trọng hàng đầu của nhau trong những lĩnh vực then chốt, như chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế và du lịch.

